

**THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2025**  
**(Hình thức đào tạo: Chính quy)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DTS
- Địa chỉ các trụ sở:** Số 20, đường Lương Ngọc Quyến, P. Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://tuyensinh.tnue.edu.vn>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0913.653.821 hoặc 0961.692.468
- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi):** <https://tuyensinh.tnue.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh>
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...):** <https://tnue.edu.vn>; <https://tnue.edu.vn/ba-cong-khai>

**II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

- Đối tượng, điều kiện dự tuyển:** Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông
- Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...):**  
Xét tuyển

TT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Kế hoạch
1	301	<b>Phương thức 1 (PT1):</b> Xét tuyển thẳng theo quy định Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	Xét tuyển theo kế hoạch của Bộ
2	401	<b>Phương thức 2 (PT2):</b> Xét theo Kết quả đánh giá đầu vào đại học trên máy tính của Đại học Thái Nguyên (V-SAT-TNU)	Xét tuyển theo kế hoạch của Bộ
3	402	<b>Phương thức 3 (PT3):</b> - Xét theo Kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội - Xét theo Kết quả đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Xét tuyển theo kế hoạch của Bộ
4	100	<b>Phương thức 4 (PT4):</b> Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025	Xét tuyển theo kế hoạch của Bộ
5	405	<b>Phương thức 5 (PT5):</b> Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 kết hợp Thi năng khiếu	Xét tuyển theo kế hoạch của Bộ

*Quê Vàng*

6	500	<b>Phương thức 6 (PT6):</b> - Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học - Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học kết hợp thi năng khiếu	Xét tuyển theo kế hoạch của Bộ
---	-----	--	--------------------------------

### 3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

#### 3.1 Ngưỡng đầu vào (Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào)

1) Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

2) Xét tuyển theo kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2025: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm đăng ký xét tuyển) do Bộ GD&ĐT quy định sau khi có kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2025. Riêng ngành: Giáo dục học, Tâm lí học Giáo dục, Sinh học ứng dụng, Huấn luyện Thể thao ngưỡng đầu vào dự kiến là 18,00 điểm đối với thí sinh khu vực 3 có mức điểm tối thiểu (không nhân hệ số) của tất cả tổ hợp 3 bài thi/môn thi cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

3) Xét tuyển theo Kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội; Kết quả đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội và kết quả đánh giá đầu vào đại học trên máy tính của Đại học Thái Nguyên (V-SAT-TNU): Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên;

Riêng các ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện Thể thao, Sư phạm Âm nhạc, Sinh học ứng dụng, Giáo dục học, Tâm lí học Giáo dục: thí sinh phải có Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT đạt từ 6,5 trở lên.

4) Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị: điểm xét chuyển của ba môn thi cuối khóa đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định sau khi có kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 của các môn thi tương ứng.

5) Trường Đại học Sư phạm không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp, khiếm thính, khiếm thị (Trường sẽ kiểm tra sức khỏe đầu khóa đối với tất cả sinh viên trước khi tham gia đào tạo và sinh viên bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp, khiếm thính, khiếm thị, không đủ điều kiện sức khỏe bị hủy kết quả trúng tuyển).

Riêng ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao yêu cầu thể lực: Nam có chiều cao từ 1,62m trở lên, cân nặng từ 45 kg trở lên; Nữ chiều cao từ 1,52m trở lên, cân nặng từ 40 kg trở lên; thể hình cân đối không bị dị tật, dị hình.

#### 3.2 Điểm trúng tuyển

TT	Phương thức xét tuyển	Quy đổi độ lệch điểm so với phương thức điểm thi tốt nghiệp THPT 2025 cùng tổ hợp	Quy tắc quy đổi Điểm trúng tuyển
1	Xét tuyển thẳng theo quy định Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT		Theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh 08 năm 2022
2	Xét theo Kết quả đánh giá đầu vào đại học trên máy tính của Đại học Thái	Có công thức quy đổi riêng cho từng ngành, từng	Quy đổi về thang điểm 30

*Quê Văn*

	Nguyên (V-SAT-TNU).	khoảng điểm, từng phương thức	
3	Xét theo Kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội		Quy đổi về thang điểm 30
4	Xét theo Kết quả đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.		Quy đổi về thang điểm 30
5	Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025.		Xét tuyển theo thang điểm 30
6	Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 kết hợp Thi năng khiếu.		Xét tuyển theo thang điểm 30
7	- Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học. - Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học kết hợp thi năng khiếu.		Xét tuyển theo thang điểm 30

*Ghi chú: Điểm xét tuyển không áp dụng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ.*

#### 4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh, Tổ hợp
1	DTS	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	250	- <b>Phương thức 2</b> Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh
2						- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học
3						- ĐGNL của Trường ĐHSPHN: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
4						- <b>Phương thức 4</b> Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, GDKT&PL (GD CD) Ngữ văn, Tiếng Anh, GDKT&PL (GD CD) Ngữ văn, Lịch Sử, GDKT&PL (GD CD)
5						- <b>Phương thức 6</b> Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, GDKT&PL (GD CD) Ngữ văn, Tiếng Anh, GDKT&PL (GD CD) Ngữ văn, Lịch Sử, GDKT&PL (GD CD)
6	DTS	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	250	- <b>Phương thức 2</b> Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Lịch sử Toán, Ngữ văn, Vật lí
7						- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học - ĐGNL của Trường ĐHSPHN: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Lịch sử

*One Hand*

						Toán, Ngữ văn, Vật lí
8						- <b>Phương thức 4</b> Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Lịch sử Toán, Ngữ văn, Vật lí
9						- <b>Phương thức 6</b> Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Lịch sử Toán, Ngữ văn, Vật lí
10	DTS	Giáo dục Chính trị	7140205	Giáo dục Chính trị	50	- <b>Phương thức 4</b> Toán, Lịch sử, GDKT&PL (GDCD) Toán, Địa lí, GDKT&PL (GDCD) Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (GDCD) Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (GDCD)
11						- <b>Phương thức 6</b> Toán, Lịch sử, GDKT&PL (GDCD) Toán, Địa lí, GDKT&PL (GDCD) Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (GDCD) Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (GDCD)
12	DTS	Giáo dục Thể chất	7140206	Giáo dục Thể chất	50	- <b>Phương thức 1</b>
13						- <b>Phương thức 5</b> Ngữ Văn, Toán, Năng khiếu (hệ số 2) Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu (hệ số 2) Toán, Sinh, Năng khiếu (hệ số 2) Ngữ văn, GDKT&PL (GDCD), Năng khiếu (hệ số 2)
14						- <b>Phương thức 6</b> Ngữ Văn, Toán, Năng khiếu (hệ số 2) Ngữ Văn, Sinh học, Năng khiếu (hệ số 2) Ngữ Văn, Địa lí, Năng khiếu (hệ số 2) Ngữ Văn, GDKT&PL (GDCD), Năng khiếu (hệ số 2)
15						- <b>Phương thức 1</b>
16						- <b>Phương thức 2</b> Toán (hệ số 2), Vật lí, Hóa học Toán (hệ số 2), Vật lí, Tiếng Anh Toán (hệ số 2), Ngữ văn, Tiếng Anh Toán (hệ số 2), Hóa học, Sinh học
17	DTS	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	120	- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học - ĐGNL của Trường ĐHSPHN: Toán (hệ số 2), Vật lí, Hóa học Toán (hệ số 2), Vật lí, Tiếng Anh Toán (hệ số 2), Ngữ văn, Tiếng Anh Toán (hệ số 2), Hóa học, Sinh học
18						- <b>Phương thức 4</b> Toán (hệ số 2), Vật lí, Hóa học Toán (hệ số 2), Vật lí, Tiếng Anh

						Toán (hệ số 2), Ngữ văn, Tiếng Anh Toán (hệ số 2), Hóa học, Sinh học
19						- <b>Phương thức 6</b> Toán (hệ số 2), Vật lí, Hóa học Toán (hệ số 2), Vật lí, Tiếng Anh Toán (hệ số 2), Ngữ văn, Tiếng Anh Toán (hệ số 2), Hóa học, Sinh học
20						- <b>Phương thức 1</b>
21						- <b>Phương thức 2</b> Toán (hệ số 2), Vật lí, Hóa học Toán (hệ số 2), Vật lí, Tiếng Anh Toán (hệ số 2), Ngữ văn, Tiếng Anh
22	DTS	Sư phạm Tin học	7140210	Sư phạm Tin học	90	- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học - ĐGNL của Trường ĐHSPTN Toán (hệ số 2), Vật lí, Hóa học Toán (hệ số 2), Vật lí, Tiếng Anh Toán (hệ số 2), Ngữ văn, Tiếng Anh
23						- <b>Phương thức 4</b> Toán (hệ số 2), Vật lí, Hóa học Toán (hệ số 2), Vật lí, Tiếng Anh Toán (hệ số 2), Ngữ văn, Tiếng Anh Toán (Hệ số 2), Vật lí, Tin học
24						- <b>Phương thức 6</b> Toán (hệ số 2), Vật lí, Hóa học Toán (hệ số 2), Vật lí, Tiếng Anh Toán (hệ số 2), Ngữ văn, Tiếng Anh Toán (Hệ số 2), Vật lí, Tin học
25						- <b>Phương thức 1</b>
26						- <b>Phương thức 2</b> Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Vật lí, Tiếng Anh Toán, Vật lí, Ngữ văn
27	DTS	Sư phạm Vật lí	7140211	Sư phạm Vật lí	50	- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học - ĐGNL của Trường ĐHSPTN: Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Vật lí, Tiếng Anh Toán, Vật lí, Ngữ văn
28						- <b>Phương thức 4</b> Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Vật lí, Tiếng Anh Toán, Vật lí, Ngữ văn Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp
29						- <b>Phương thức 6</b> Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Vật lí, Tiếng Anh

						Toán, Vật lí, Ngữ văn Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp
30	DTS	Su phạm Hoá học	7140212	Su phạm Hoá học	50	- <b>Phương thức 1</b>
31						- <b>Phương thức 2</b> Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Hóa học, Tiếng Anh
32						- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học - ĐGNL của Trường ĐHSPHN: Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Hóa học, Tiếng Anh
33						- <b>Phương thức 4</b> Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Hóa học, Tiếng Anh
34						- <b>Phương thức 6</b> Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Hóa học, Tiếng Anh
35	DTS	Su phạm Sinh học	7140213	Su phạm Sinh học	50	- <b>Phương thức 1</b>
36						- <b>Phương thức 2</b> Toán, Vật lí, Sinh học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Sinh học, Tiếng Anh
37						- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học - ĐGNL của Trường ĐHSPHN: Toán, Vật lí, Sinh học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Sinh học, Tiếng Anh
38						- <b>Phương thức 4</b> Toán, Vật lí, Sinh học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Sinh học, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp
39						- <b>Phương thức 6</b> Toán, Vật lí, Sinh học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Sinh học, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp
40	DTS	Su phạm Ngữ văn	7140217	Su phạm Ngữ văn	100	- <b>Phương thức 1</b>
41						- <b>Phương thức 2</b> Ngữ văn, Lịch sử; Địa lí Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
42						- <b>Phương thức 3</b>

						<ul style="list-style-type: none"> <li>- ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học</li> <li>- ĐGNL của Trường ĐHSPhN: Ngữ văn, Lịch sử; Địa lí Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh</li> </ul>
43						<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phương thức 4</b> Ngữ văn, Lịch sử; Địa lí Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&amp;PL (GDCD) Ngữ văn, Địa lí, GDKT&amp;PL (GDCD) Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh</li> </ul>
44						<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phương thức 6</b> Ngữ văn, Lịch sử; Địa lí Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&amp;PL (GDCD) Ngữ văn, Địa lí, GDKT&amp;PL (GDCD) Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh</li> </ul>
45						<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phương thức 1</b></li> </ul>
46						<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phương thức 2</b> Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh</li> </ul>
47	DTS	Sự phạm Lịch sử	7140218	Sự phạm Lịch sử	50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học</li> <li>- ĐGNL của Trường ĐHSPhN: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh</li> </ul>
48						<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phương thức 4</b> Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&amp;PL (GDCD)</li> </ul>
49						<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phương thức 6</b> Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&amp;PL (GDCD)</li> </ul>
50						<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phương thức 1</b></li> </ul>
51	DTS	Sự phạm Địa lí	7140219	Sự phạm Địa lí	50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phương thức 2</b> Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn, Toán, Địa lí Toán, Lịch sử, Địa lí</li> </ul>
52						<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học</li> <li>- ĐGNL của Trường ĐHSPhN: Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử Ngữ văn, Địa lí, Toán</li> </ul>

						Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lí, Vật lí
53						- <b>Phương thức 4</b> Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử Ngữ văn, Địa lí, Toán Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lí, Vật lí Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (GDCCD)
54						- <b>Phương thức 6</b> Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử Ngữ văn, Địa lí, Toán Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lí, Vật lí Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (GDCCD)
55						- <b>Phương thức 1</b>
56						- <b>Phương thức 2</b> Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (hệ số 2) Toán, Lịch sử, Tiếng Anh (hệ số 2) Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (hệ số 2)
57	DTS	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	120	- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học - ĐGNL của Trường ĐHSPHN: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (hệ số 2) Toán, Lịch sử, Tiếng Anh (Hệ số 2) Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (Hệ số 2)
58						- <b>Phương thức 4</b> Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (hệ số 2) Toán, Lịch sử, Tiếng Anh (Hệ số 2) Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (Hệ số 2)
59						- <b>Phương thức 6</b> Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (hệ số 2) Toán, Lịch sử, Tiếng Anh (Hệ số 2) Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (Hệ số 2)
60						- <b>Phương thức 1</b>
61						- <b>Phương thức 2</b> Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Vật lí, Sinh học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Sinh học, Tiếng Anh
62	DTS	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	70	- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học - ĐGNL của Trường ĐHSPHN: Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Vật lí, Sinh học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Sinh học, Tiếng Anh
63						- <b>Phương thức 4</b>

						<p>Toán, Vật lí, Hóa học          Toán, Vật lí, Sinh học          Toán, Hóa học, Sinh học          Toán, Sinh học, Tiếng Anh          Toán, Vật lí, Tiếng Anh          Toán, Hóa học, Tiếng Anh</p>
64						<p><b>- Phương thức 6</b>          Toán, Vật lí, Hóa học          Toán, Vật lí, Sinh học          Toán, Hóa học, Sinh học          Toán, Sinh học, Tiếng Anh          Toán, Vật lí, Tiếng Anh          Toán, Hóa học, Tiếng Anh</p>
65						<p><b>- Phương thức 1</b></p>
66						<p><b>- Phương thức 2</b>          Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí          Toán, Lịch Sử, Địa lí</p>
67						<p><b>- Phương thức 3</b>          - ĐGNL của ĐHQGHN:          Tư duy định lượng, Tư duy định tính,          Khoa học          - ĐGNL của Trường ĐHSPHN:          Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí</p>
	DTS	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	60	<p>Toán, Lịch Sử, Địa lí</p>
68						<p><b>- Phương thức 4</b>          Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí          Toán, Lịch Sử, Địa lí          Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&amp;PL (GD CD)          Ngữ văn, Địa lí, GDKT&amp;PL (GD CD)</p>
69						<p><b>- Phương thức 6</b>          Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí          Toán, Lịch Sử, Địa lí          Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&amp;PL (GD CD)          Ngữ văn, Địa lí, GDKT&amp;PL (GD CD)</p>
70						<p><b>- Phương thức 2</b>          Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lí          Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh</p>
71						<p><b>- Phương thức 3</b>          - ĐGNL của Trường ĐHSPHN:          Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lí          Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh</p>
72	DTS	Giáo dục học	7140101	Giáo dục học	60	<p><b>- Phương thức 4</b>          Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lí          Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh          Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&amp;PL (GD CD)          Ngữ văn, Địa lí, GDKT&amp;PL (GD CD)</p>
73						<p><b>- Phương thức 6</b>          Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lí          Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh          Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&amp;PL          Ngữ văn, Địa lí, GDKT&amp;PL</p>

74	DTS	Tâm lí học giáo dục	7310403	Tâm lí học giáo dục	60	- <b>Phương thức 2</b> Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lí Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
75						- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của Trường ĐHSPTHN: Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lí Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
76						- <b>Phương thức 4</b> Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lí Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (GDCD) Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (GDCD)
77						- <b>Phương thức 6</b> Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lí Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (GDCD) Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (GDCD)
78	DTS	Giáo dục Công dân (Nếu được phê duyệt mở ngành)	7140204	Giáo dục Công dân	50	- <b>Phương thức 4</b> Toán, Lịch sử, GDKT&PL (GDCD) Toán, Địa lí, GDKT&PL (GDCD) Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (GDCD) Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (GDCD)
79						- <b>Phương thức 6</b> Toán, Lịch sử, GDKT&PL (GDCD) Toán, Địa lí, GDKT&PL (GDCD) Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (GDCD) Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (GDCD)
80	DTS	Sư phạm Âm nhạc (Nếu được phê duyệt mở ngành)	7140221	Sư phạm Âm nhạc	50	- <b>Phương thức 1</b>
81						- <b>Phương thức 5</b> Ngữ văn, Năng khiếu Âm nhạc 1, Năng khiếu Âm nhạc 2
82						- <b>Phương thức 6</b> Ngữ văn, Năng khiếu Âm nhạc 1, Năng khiếu Âm nhạc 2
83	DTS	Sinh học ứng dụng (Nếu được phê duyệt mở ngành)	7420203	Sinh học ứng dụng	50	- <b>Phương thức 1</b>
84						- <b>Phương thức 2</b> Toán, Vật lí, Sinh học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Sinh học, Tiếng Anh
						- <b>Phương thức 3</b> - ĐGNL của ĐHQGHN: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học - ĐGNL của Trường ĐHSPTHN: Toán, Vật lí, Sinh học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Sinh học, Tiếng Anh
86						- <b>Phương thức 4</b> Toán, Vật lí, Sinh học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Sinh học, Tiếng Anh

87						Toán, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp - <b>Phương thức 6</b> Toán, Vật lí, Sinh học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Sinh học, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp
88	DTS	Huấn luyện thể thao (Nếu được phê duyệt mở ngành)	7140207	Huấn luyện thể thao	50	- <b>Phương thức 1</b>
89						- <b>Phương thức 5</b> Toán, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2 Ngữ Văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2
90						- <b>Phương thức 6</b> Toán, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2 Ngữ Văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2

**Ghi chú:**

**Phương thức 1 (PT1):** Xét tuyển thẳng theo quy định Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

**Phương thức 2 (PT2):** Xét theo Kết quả đánh giá đầu vào đại học trên máy tính của Đại học Thái Nguyên (V-SAT-TNU)

**Phương thức 3 (PT3):**

- Xét theo Kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội
- Xét theo Kết quả đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

**Phương thức 4 (PT4):** Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025

**Phương thức 5 (PT5):** Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 kết hợp Thi năng khiếu

**Phương thức 6 (PT6):**

- Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học
- Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học kết hợp thi năng khiếu.

**5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo**

- a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: được quy định cụ thể trong từng PTXT
- b. Điểm cộng: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT
- c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

**6. Tổ chức tuyển sinh**

Thời gian tuyển sinh các đợt trong năm: Xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

**6.1 Tổ chức thi năng khiếu ngành Giáo dục Thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Huấn luyện thể thao**

Thí sinh đăng ký thi năng khiếu trước 17h00 ngày 20/6/2025 tại <https://dangky.tnue.edu.vn>.

- Thí sinh bổ sung thông tin, đăng ký thi năng khiếu trực tiếp tại Trường (với những thí sinh chưa đăng ký qua website) trước 11h00 ngày 12/7/2025.

- Trường tổ chức thi năng khiếu ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao, Sư phạm, Âm nhạc từ ngày 12/7/2025 đến ngày 14/7/2025.

*Am Uant*

- Trường sẽ công bố kết quả thi năng khiếu tại địa chỉ <http://tuyensinh.tnue.edu.vn> trước 17h00 ngày 18/7/2025.

- Thí sinh nộp chứng nhận kết quả thi năng khiếu tại các cơ sở đào tạo khác (được chấp nhận) về trường trước 17h00 ngày 30/7/2025 (tính theo dấu bưu điện) tại địa chỉ <http://tuyensinh.tnue.edu.vn> và bản cứng về ban tuyển sinh của Trường.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến tại <https://dangky.tnue.edu.vn>. Từ ngày 18/7/2025 đến 17h00 ngày 30/7/2025. Các hồ sơ theo quy định ở trên phải được scan và đính kèm đầy đủ trong mục các hồ sơ đính kèm.

- Sau khi đăng ký trực tuyến thành công, hồ sơ bản cứng gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ: Ban tuyển sinh Đại học chính quy, Phòng Đào tạo (P.302 – nhà A2), Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, số 20 đường Lương Ngọc Quyến, P. Quang Trung, TP. Thái Nguyên. SĐT: 0913.653.821 (Cô Vũ Thị Hồng Hạnh), trước 17h00 ngày 20/6/2025 (tính theo dấu bưu điện).

## 6.2 Xét tuyển thẳng (PT1)

### Mã phương thức xét tuyển: 301

Xét tuyển thẳng theo quy định Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục chính trị, Giáo dục học, Tâm lí học giáo dục, Sư phạm Âm nhạc, Giáo dục mầm non không xét tuyển theo phương thức thứ nhất (PT1).

#### a. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Mẫu Phụ lục);
- Photo công chứng Học bạ 3 năm học THPT (Scan bản gốc/photo công chứng có đầy đủ thông tin thí sinh và tất cả các trang đảm bảo đầy đủ điểm và xếp loại học, lực hạnh kiểm 06 học kỳ để đăng ký online).
- Photo công chứng Giấy chứng nhận đạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức (Scan bản gốc/photo công chứng để đăng ký online). Sau khi có thông báo trúng tuyển của Trường, thí sinh phải nộp bản chính giấy chứng nhận đạt giải, giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có) để xác nhận nhập học.

- Photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tự do).

- Photo công chứng Giấy khai sinh và chứng minh thư nhân dân/CCCD (Scan bản gốc/photo công chứng để đăng ký online).

#### b. Cách đăng ký xét tuyển thẳng

- Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: <https://dangky.tnue.edu.vn/xet-tuyen-thang.html>. Các hồ sơ theo quy định ở trên phải được scan và đính kèm đầy đủ trong mục các hồ sơ đính kèm.

- Sau khi đăng ký trực tuyến thành công, Hồ sơ bản cứng gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ: Ban tuyển sinh Đại học chính quy (Phòng 302 – nhà A2), Trường

Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Số 20, đường Lương Ngọc Quyến, P. Quang Trung, TP Thái Nguyên. SĐT: 0913.653.821 (Cô Vũ Thị Hồng Hạnh), trước 17h00 ngày 30/6/2025 (tính theo dấu bưu điện).

### c. Tiêu chí phụ xét tuyển thẳng

Đối với những thí sinh đồng hạng vượt quá chỉ tiêu, Trường có thể áp dụng các tiêu chí phụ. Các tiêu chí phụ sẽ được Hội đồng tuyển sinh áp dụng lần lượt khi xét tuyển các ngành. Khi áp dụng tiêu chí 1 để loại, nếu tiêu chí 1 vẫn bằng nhau thì xét tiêu chí tiếp theo cho đến hết tiêu chí 5, đến khi xác định được số lượng thí sinh trúng tuyển bằng số chỉ tiêu, cụ thể:

TT	Thứ tự xét	Tiêu chí phụ
1	Tiêu chí 1	Điểm trung bình chung các môn học lớp 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
2	Tiêu chí 2	Điểm trung bình chung các môn học lớp 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
3	Tiêu chí 3	Điểm trung bình chung các môn học lớp 10, 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
4	Tiêu chí 4	Điểm trung bình chung các môn học lớp 10, 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân). Học lực lớp 11, 12
5	Tiêu chí 5	Điểm trung bình chung các môn học lớp 10, 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân). Học lực lớp 10, 11, 12.

### d. công bố kết quả và đăng ký xét tuyển chính thức

- Trường sẽ công bố kết quả xét tuyển thẳng trước 17h00 ngày 10/7/2025 tại địa chỉ <http://tuyensinh.tnue.edu.vn>. Sau khi có kết quả xét tuyển là "đủ điều kiện trúng tuyển trừ điều kiện tốt nghiệp THPT", từ ngày 22/7/2025 đến 17h00 ngày 31/7/2025 thí sinh phải thực hiện xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> và hướng dẫn nhập học tại địa chỉ <http://tuyensinh.tnue.edu.vn>.

- Thí sinh không đăng ký xét tuyển thẳng tại Trường mà vẫn đăng ký nguyện vọng trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT sẽ không được công nhận kết quả xét tuyển.

**6.3 Xét theo Kết quả đánh giá đầu vào đại học trên máy tính của Đại học Thái Nguyên (V-SAT-TNU)**

**Mã phương thức xét tuyển: 401**

Ngành Sư phạm Âm nhạc, Huấn luyện thể thao, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân, Giáo dục Thể chất không xét tuyển theo Kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính của Đại học Thái Nguyên (V-SAT-TNU).

### 6.3.1 Ngưỡng đảm bảo chất lượng

Yêu cầu học lực cả năm lớp 12 đạt loại Giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT đạt từ 8,0 trở lên. Riêng các ngành Giáo dục học, Tâm lí học giáo dục, Sinh học ứng dụng và Huấn luyện Thể thao yêu cầu học lực cả năm lớp 12 đạt loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT đạt từ 6,5 trở lên.

### 6.3.2 Đăng ký xét tuyển

#### a. Hồ sơ đăng ký xét tuyển theo kết quả thi V-SAT-TNU

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực (Mẫu Phụ lục).
- Photo công chứng Học bạ 3 năm học THPT (Scan bản gốc/photo công chứng có đầy đủ thông tin thí sinh và tất cả các trang đảm bảo đầy đủ điểm và xếp loại học, lực hạnh kiểm 06 học kỳ để đăng ký online).
- Photo công chứng Giấy chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực, giấy chứng nhận ưu tiên nếu có (Scan bản gốc/photo công chứng để đăng ký online).
- Photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tự do).
- Photo công chứng Giấy khai sinh và căn cước công dân (CCCD) (Scan bản gốc/photo công chứng để đăng ký online).

#### b. Đăng ký xét sơ tuyển theo kết quả thi V-SAT-TNU

- Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: <https://dangky.tnue.edu.vn>. Các hồ sơ theo quy định ở trên phải được scan và đính kèm đầy đủ trong mục các hồ sơ đính kèm.
- Sau khi đăng ký trực tuyến thành công, hồ sơ bản cứng gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ: Ban tuyển sinh Đại học chính quy, Phòng Đào tạo (P.302 – nhà A2). Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, số 20 đường Lương Ngọc Quyến, P. Quang Trung, TP. Thái Nguyên. SĐT: 0913.653.821 (Cô Vũ Thị Hồng Hạnh), trước 17h00 ngày 26/6/2025 (tính theo dấu bưu điện).

#### c. Cách xét tuyển theo Kết quả thi V-SAT-TNU

Xét theo tổng điểm của các môn thi đánh giá quy về thang điểm 30 cộng với điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng nếu có), lấy từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm trúng tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

Các tổ hợp xét tuyển

ST T	Ngành xét tuyển	Mã ngành	Môn thi đánh giá 1	Môn thi đánh giá 2	Môn thi đánh giá 3
1	Giáo dục Mầm non	7140201	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán	Ngữ văn	Lịch sử
			Toán	Ngữ văn	Vật lí
3	Su phạm Toán học	7140209	Toán (hệ số 2)	Vật lí	Hóa học
			Toán (hệ số 2)	Vật lí	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Hóa học	Sinh học
4	Su phạm Tin học	7140210	Toán (hệ số 2)	Vật lí	Hóa học
			Toán (hệ số 2)	Vật lí	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Ngữ văn	Tiếng Anh
5	Su phạm Vật lí	7140211	Toán	Vật lí	Hóa học
			Toán	Vật lí	Tiếng Anh
			Toán	Vật lí	Ngữ văn
6	Su phạm Hoá học	7140212	Toán	Vật lí	Hóa học
			Toán	Hóa học	Tiếng Anh
			Toán	Hóa học	Sinh học
7	Su phạm Sinh học	7140213	Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Sinh học	Tiếng Anh
			Toán	Vật lí	Sinh học
8	Su phạm Địa lí	7140219	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Toán	Địa lí
			Toán	Lịch sử	Địa lí
9	Su phạm Tiếng Anh	7140231	Tiếng Anh (Hệ số 2)	Toán	Ngữ văn
			Tiếng Anh (hệ số 2)	Toán	Lịch sử
			Tiếng Anh (hệ số 2)	Ngữ văn	Địa lí
10	Su phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Toán	Vật lí	Hóa học
			Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Sinh học	Tiếng Anh
			Toán	Vật lí	Sinh học

11	Sur phạm Ngữ văn	7140217	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh
12	Sur phạm Lịch sử	7140218	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh
13	Sur phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Toán	Lịch sử	Địa lí
14	Giáo dục học	7140101	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
15	Tâm lí học giáo dục	7310403	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
16	Sinh học ứng dụng (Nếu được phê duyet mở ngành)	7420203	Toán	Vật lí	Sinh học
			Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Sinh học	Tiếng Anh

*Điểm xét tuyển: Được quy về thang điểm 30 tương ứng với điểm xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi THPT năm 2025 (Phương thức 4).*

**\* Tính điểm ưu tiên**

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

- Nếu tổng điểm của 3 môn thi đánh giá trong tổ hợp xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được nhỏ hơn 22,5 điểm thì Điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 3, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm của 3 môn thi đánh giá trong tổ hợp xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được từ 22,5 trở lên thì điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 4, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cụ thể:  $\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách}$ .

**d) Tiêu chí phụ xét tuyển theo kết quả thi V-SAT-TNU**

Đối với những thí sinh đồng hạng vượt quá chỉ tiêu, Trường có thể áp dụng các tiêu chí phụ. Các tiêu chí phụ sẽ được Hội đồng tuyển sinh áp dụng lần lượt khi xét tuyển các ngành. Khi áp dụng tiêu chí 1 để loại, nếu tiêu chí 1 vẫn bằng nhau thì xét tiêu chí tiếp theo cho đến hết tiêu chí 5, đến khi xác định được số lượng thí sinh trúng tuyển bằng số chỉ tiêu, cụ thể:

TT	Thứ tự xét	Tiêu chí phụ
1	Tiêu chí 1	Điểm trung bình chung các môn học lớp 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

*Quang Vinh*

2	Tiêu chí 2	Điểm trung bình chung các môn học lớp 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
3	Tiêu chí 3	Điểm trung bình chung các môn học lớp 10, 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
4	Tiêu chí 4	Điểm trung bình chung các môn học lớp 10, 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân). Học lực lớp 11, 12
5	Tiêu chí 5	Điểm trung bình chung các môn học lớp 10, 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân). Học lực lớp 10, 11, 12.

**e) Đăng ký xét tuyển chính thức**

- Dự kiến từ ngày 18/7/2025 đến 17h00 ngày 30/7/2025 thí sinh phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> để được xét tuyển và được công nhận vào danh sách trúng tuyển.

- Trường công bố kết quả xét tuyển chính thức dự kiến trước 17h00 ngày 19/8/2025. Thí sinh trúng tuyển chính thức phải thực hiện xác nhận nhập học trực tuyến từ ngày 19/8/2025 đến 17h00 ngày 27/8/2025 trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> và hướng dẫn nhập học tại địa chỉ <https://tuyensinh.tnue.edu.vn>.

**6.4 Xét theo Kết quả đánh giá năng lực của ĐHQGHN và Kết quả đánh giá năng lực của Trường ĐHSPhN**

**Mã phương thức xét tuyển: 402**

Ngành Sư phạm Âm nhạc, Huấn luyện thể thao, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân, Giáo dục Thể chất không xét tuyển theo Kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN và Kết quả đánh giá năng lực của Trường ĐHSPhN.

**6.4.1 Ngưỡng đảm bảo chất lượng**

Yêu cầu học lực cả năm lớp 12 đạt loại Giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT đạt từ 8,0 trở lên. Riêng các ngành Giáo dục học, Tâm lí học giáo dục, Sinh học ứng dụng yêu cầu học lực cả năm lớp 12 đạt loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT đạt từ 6,5 trở lên.

**6.4.2 Đăng ký xét tuyển**

**a. Hồ sơ đăng ký xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực**

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực (Mẫu Phụ lục).

*Am* *Chant*

- Photo công chứng Học bạ 3 năm học THPT (Scan bản gốc/photo công chứng có đầy đủ thông tin thí sinh và tất cả các trang đảm bảo đầy đủ điểm và xếp loại học, lục hạnh kiểm 06 học kỳ để đăng ký online).

- Photo công chứng Giấy chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực, giấy chứng nhận ưu tiên nếu có (Scan bản gốc/photo công chứng để đăng ký online).

- Photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tự do).

- Photo công chứng Giấy khai sinh và Căn cước công dân (Scan bản gốc/photo công chứng để đăng ký online).

### **b. Đăng ký xét sơ tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực**

- Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: <https://dangky.tnue.edu.vn>. Các hồ sơ theo quy định ở trên phải được scan và đính kèm đầy đủ trong mục các hồ sơ đính kèm.

- Sau khi đăng ký trực tuyến thành công, hồ sơ bản cứng gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ: Ban tuyển sinh Đại học chính quy, Phòng Đào tạo (P.302 – nhà A2). Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, số 20 đường Lương Ngọc Quyến, P. Quang Trung, TP. Thái Nguyên. SĐT: 0913.653.821 (Cô Vũ Thị Hồng Hạnh), trước 17h00 ngày 26/6/2025 (tính theo dấu bưu điện).

### **c. Cách xét tuyển theo Kết quả thi Đánh giá năng lực**

#### **\* Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội**

Xét theo tổng điểm của 3 phần thi đánh giá năng lực quy về thang điểm 30 cộng với điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng nếu có), lấy từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

*Điểm xét tuyển: Được quy về thang điểm 30 tương ứng với điểm xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi THPT năm 2025 (Phương thức 4).*

#### **\* Đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội**

Xét theo tổng điểm của các môn thi đánh giá cộng với điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng nếu có), lấy từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm trúng tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

Các tổ hợp xét tuyển:

ST T	Ngành xét tuyển	Mã ngành	Môn thi đánh giá 1	Môn thi đánh giá 2	Môn thi đánh giá 3
1	Giáo dục Mầm non	7140201	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán	Ngữ văn	Lịch sử
			Toán	Ngữ văn	Vật lí
3	Sư phạm Toán học	7140209	Toán (hệ số 2)	Vật lí	Hóa học

*Qu. Unit*

			Toán (hệ số 2)	Vật lí	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Hóa học	Sinh học
			Toán (hệ số 2)	Vật lí	Hóa học
4	Sư phạm Tin học	7140210	Toán (hệ số 2)	Vật lí	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Ngữ văn	Tiếng Anh
5	Sư phạm Vật lí	7140211	Toán	Vật lí	Hóa học
			Toán	Vật lí	Tiếng Anh
			Toán	Vật lí	Ngữ văn
6	Sư phạm Hoá học	7140212	Toán	Vật lí	Hóa học
			Toán	Hóa học	Tiếng Anh
			Toán	Hóa học	Sinh học
7	Sư phạm Sinh học	7140213	Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Sinh học	Tiếng Anh
			Toán	Vật lí	Sinh học
8	Sư phạm Địa lí	7140219	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Toán	Địa lí
			Ngữ văn	Địa lí	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Địa lí	Vật lí
9	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Tiếng Anh (Hệ số 2)	Toán	Ngữ văn
			Tiếng Anh (Hệ số 2)	Toán	Lịch sử
			Tiếng Anh (Hệ số 2)	Ngữ văn	Địa lí
10	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Toán	Vật lí	Hóa học
			Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Sinh học	Tiếng Anh
			Toán	Vật lí	Sinh học
11	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh
12	Sư phạm Lịch sử	7140218	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh
13	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Toán	Lịch sử	Địa lí
14	Giáo dục học	7140101	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí

			Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
15	Tâm lí học giáo dục	7310403	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
16	Sinh học ứng dụng (Nếu được phê duyet mở ngành)	7420203	Toán	Vật lí	Sinh học
			Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Sinh học	Tiếng Anh

*Điểm xét tuyển: Được quy về thang điểm 30 tương ứng với điểm xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi THPT năm 2025 (Phương thức 4)*

**\* Tính điểm ưu tiên**

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

- Nếu tổng điểm của 3 môn thi đánh giá trong tổ hợp xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được nhỏ hơn 22,5 điểm thì Điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 3, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm của 3 môn thi đánh giá trong tổ hợp xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được từ 22,5 trở lên thì điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 4, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cụ thể:  $\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách}$ .

**d) Tiêu chí phụ xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực**

Đối với những thí sinh đồng hạng vượt quá chỉ tiêu, Trường có thể áp dụng các tiêu chí phụ. Các tiêu chí phụ sẽ được Hội đồng tuyển sinh áp dụng lần lượt khi xét tuyển các ngành. Khi áp dụng tiêu chí 1 để loại, nếu tiêu chí 1 vẫn bằng nhau thì xét tiêu chí tiếp theo cho đến hết tiêu chí 5, đến khi xác định được số lượng thí sinh trúng tuyển bằng số chỉ tiêu, cụ thể:

TT	Thứ tự xét	Tiêu chí phụ
1	Tiêu chí 1	Điểm trung bình chung các môn học lớp 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
2	Tiêu chí 2	Điểm trung bình chung các môn học lớp 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
3	Tiêu chí 3	Điểm trung bình chung các môn học lớp 10, 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

*Ass Hant*

4	Tiêu chí 4	Điểm trung bình chung các môn học lớp 10, 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân). Học lực lớp 11, 12.
5	Tiêu chí 5	Điểm trung bình chung các môn học lớp 10, 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân). Học lực lớp 10, 11, 12.

**e) Đăng ký xét tuyển chính thức**

- Dự kiến từ ngày 18/7/2025 đến 17h00 ngày 30/7/2025 thí sinh phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> để được xét tuyển và được công nhận vào danh sách trúng tuyển.

- Trường công bố kết quả xét tuyển chính thức dự kiến trước 17h00 ngày 19/8/2025. Thí sinh trúng tuyển chính thức phải thực hiện xác nhận nhập học trực tuyến từ ngày 19/8/2025 đến 17h00 ngày 27/8/2025 trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> và hướng dẫn nhập học tại địa chỉ <https://tuyensinh.tnue.edu.vn>.

**6.5 Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025**

**Mã phương thức xét tuyển: 100**

Ngành Sư phạm Âm nhạc, Huấn luyện thể thao và Giáo dục thể chất xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu (phương thức 5).

**6.5.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng**

Trường sẽ công bố điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có công văn quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT khi có Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

**6.5.2 Tổ hợp môn và cách xét tuyển theo KQ thi tốt nghiệp THPT**

**a. Tổ hợp môn xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT**

Tổ hợp các môn xét tuyển

TT	Ngành xét tuyển	Mã ngành	Môn thi đánh giá 1	Môn thi đánh giá 2	Môn thi đánh giá 3
1	Giáo dục Mầm non	7140201	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán	Ngữ văn	GDKT&PL (GD CD)
			Ngữ văn	Tiếng Anh	GDKT&PL (GD CD)
			Ngữ văn	Lịch Sử	GDKT&PL (GD CD)
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán	Ngữ văn	Lịch sử
			Toán	Ngữ văn	Vật lí
3	Giáo dục Chính trị	7140205	Toán	Lịch Sử	GDKT&PL (GD CD)
			Toán	Địa lí	GDKT&PL (GD CD)
			Ngữ văn	Lịch Sử	GDKT&PL (GD CD)
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GD CD)
4	Sư phạm Toán học	7140209	Toán (hệ số 2)	Vật lí	Hóa học
			Toán (hệ số 2)	Vật lí	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Hóa học	Sinh học
5	Sư phạm Tin học	7140210	Toán (hệ số 2)	Vật lí	Hóa học
			Toán (hệ số 2)	Vật lí	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Vật lí	Tin học
6	Sư phạm Vật lí	7140211	Toán	Vật lí	Hóa học
			Toán	Vật lí	Tiếng Anh
			Toán	Vật lí	Ngữ văn
			Toán	Vật lí	Công nghệ Công nghiệp
7	Sư phạm Hoá học	7140212	Toán	Vật lí	Hóa học
			Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Hóa học	Tiếng Anh
8	Sư phạm Sinh học	7140213	Toán	Vật lí	Sinh học
			Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Sinh học	Tiếng Anh
			Toán	Sinh học	Công nghệ Nông nghiệp

9	Su phạm Ngữ văn	7140217	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PL (GD CD)
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GD CD)
			Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Địa lí	Tiếng Anh
10	Su phạm Lịch sử	7140218	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PL (GD CD)
11	Su phạm Địa lí	7140219	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Địa lí	Toán
			Ngữ văn	Địa lí	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Địa lí	Vật lí
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GD CD)
12	Su phạm Tiếng Anh	7140231	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh (Hệ số 2)
			Toán	Lịch sử	Tiếng Anh (Hệ số 2)
			Ngữ văn	Địa lí	Tiếng Anh (Hệ số 2)
13	Su phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Toán	Vật lí	Hóa học
			Toán	Vật lí	Sinh học
			Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Sinh học	Tiếng Anh
14	Su phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Toán	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PL (GD CD)
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GD CD)
15	Giáo dục học	7140101	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PL (GD CD)
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GD CD)
16	Tâm lí học giáo dục	7310403	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PL (GD CD)
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GD CD)
17	Giáo dục	7140204	Toán	Lịch sử	GDKT&PL (GD CD)

	Công dân (Nếu được phê duyệt mở ngành)		Toán	Địa lí	GDKT&PL (GD&ĐT)
			Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PL (GD&ĐT)
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GD&ĐT)
18	Sinh học ứng dụng (Nếu được phê duyệt mở ngành)	7420203	Toán	Vật lí	Sinh học
			Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Sinh học	Tiếng Anh
			Toán	Sinh học	Công nghệ nông nghiệp

### b. Cách xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp THPT

- Xét theo tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

*Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có).*

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

- Nếu tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được nhỏ hơn 22,5 điểm thì Điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 3, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được từ 22,5 trở lên thì điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 4, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cụ thể: *Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách.*

- Riêng ngành Sư phạm Tiếng Anh/Sư phạm Toán/Sư phạm Tin học; môn Tiếng Anh/Toán nhân hệ số 2 và điểm xét tuyển được quy về theo thang điểm 30, cụ thể:

*Điểm xét tuyển ngành Sư phạm Tiếng Anh = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm Tiếng Anh \*2)\*3/4 + Điểm ưu tiên (nếu có)*

Ví dụ thí sinh xét ngành Sư phạm Tiếng Anh với tổ hợp D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh):  
*Điểm xét tuyển = (Điểm Toán + Điểm Văn + Điểm Tiếng Anh \*2)\*3/4 + Điểm ưu tiên (nếu có).*

### c. Tiêu chí phụ xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp THPT

Đối với những thí sinh đồng hạng vượt quá chỉ tiêu, Trường có thể áp dụng các tiêu chí phụ. Các tiêu chí phụ sẽ được Hội đồng tuyển sinh áp dụng lần lượt khi xét tuyển các ngành. Khi áp dụng tiêu chí 1 để loại, nếu tiêu chí 1 vẫn bằng nhau thì xét tiêu chí tiếp theo cho đến hết tiêu chí 5, đến khi xác định được số lượng thí sinh trúng tuyển bằng số chỉ tiêu, cụ thể:

TT	Thứ tự xét	Tiêu chí phụ
1	Tiêu chí 1	Điểm trung bình môn lớp 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

*Đức Giang*

2	Tiêu chí 2	Điểm trung bình môn lớp 11, 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
3	Tiêu chí 3	Điểm trung bình môn lớp 10, 11, 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
4	Tiêu chí 4	Điểm trung bình môn lớp 10, 11, 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân). Học lực lớp 11, 12 và điểm trung bình các môn học lớp 11, 12
5	Tiêu chí 5	Điểm trung bình môn lớp 10, 11, 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân). Học lực lớp 10, 11, 12 và điểm trung bình các môn học lớp 10, 11, 12

### 6.5.3. Cách đăng ký và xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp THPT

#### a. Đăng ký

- Dự kiến từ ngày 18/7/2025 đến 17h00 ngày 30/7/2025 thí sinh đăng ký tuyển sinh trên hệ thống của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn>. Đối với thí sinh tự do (tốt nghiệp từ năm 2023 trở về trước) phải đăng ký cấp tài khoản sử dụng cho việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống của Bộ GD&ĐT tại điểm tiếp nhận (Sở GD&ĐT hoặc địa điểm do Sở GD&ĐT chỉ định) từ ngày 01/7/2025 đến ngày 20/7/2025.

#### b. Xét tuyển và công bố kết quả

- Kế hoạch xét tuyển và công bố kết quả trúng tuyển diện xét theo Kết quả thi tốt nghiệp THPT theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT dự kiến từ ngày 13/8/2025 đến 17h00 ngày 17/8/2025. Sau khi có kết quả xét tuyển chính thức, Trường sẽ công bố danh sách trúng tuyển trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và website tuyển sinh của Trường tại địa chỉ: <http://tuyensinh.tnue.edu.vn> dự kiến trước 17h00 ngày 19/8/2025.

- Thí sinh trúng tuyển chính thức phải thực hiện xác nhận nhập học trực tuyến (dự kiến) từ ngày 19/8/2025 đến 17h00 ngày 27/8/2025 trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> và hướng dẫn nhập học tại địa chỉ <https://tuyensinh.tnue.edu.vn>.

### 6.6 Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 kết hợp Thi năng khiếu

Mã phương thức xét tuyển: 405

Áp dụng với ngành Sư phạm Âm nhạc, Huấn luyện thể thao và Giáo dục thể chất.

#### 6.6.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng

Trường sẽ công bố điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có công văn quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT khi có Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

*Aut Lamb*

Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế khi đăng ký xét tuyển ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

### 6.6.2. Tổ hợp môn và cách xét tuyển theo Kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu

#### a. Các tổ hợp xét tuyển

ST T	Ngành xét tuyển	Mã ngành	Môn thi đánh giá 1	Môn thi đánh giá 2	Môn thi đánh giá 3
1	Giáo dục Thể chất	7140206	Toán	Ngữ văn	Năng khiếu (hệ số 2)
			Ngữ văn	Địa lí	Năng khiếu (hệ số 2)
			Toán	Sinh học	Năng khiếu (hệ số 2)
			Ngữ văn	GDKT&PL (GDGD)	Năng khiếu (hệ số 2)
2	Huấn luyện thể thao (Nếu được phê duyệt mở ngành)	7140207	Toán	Năng khiếu 1	Năng khiếu 2
			Ngữ văn	Năng khiếu 1	Năng khiếu 2
3	Sư phạm Âm nhạc (Nếu được phê duyệt mở ngành)	7140221	Ngữ văn	Năng khiếu âm nhạc 1	Năng khiếu âm nhạc 2

#### b. Cách xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu

- Xét theo tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

*Điểm xét tuyển: Được quy về thang điểm 30 tương ứng với điểm xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi THPT năm 2025 (Phương thức 4)*

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

- Nếu tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được nhỏ hơn 22,5 điểm thì Điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 3, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được từ 22,5 trở lên thì điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 4, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cụ thể:  $\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách}$ .

#### c. Tiêu chí phụ xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu

*One Start*

Đối với những thí sinh đồng hạng vượt quá chỉ tiêu, Trường có thể áp dụng các tiêu chí phụ. Các tiêu chí phụ sẽ được Hội đồng tuyển sinh áp dụng lần lượt khi xét tuyển các ngành. Khi áp dụng tiêu chí 1 để loại, nếu tiêu chí 1 vẫn bằng nhau thì xét tiêu chí tiếp theo cho đến hết tiêu chí 5, đến khi xác định được số lượng thí sinh trúng tuyển bằng số chỉ tiêu, cụ thể:

TT	Thứ tự xét	Tiêu chí phụ
1	Tiêu chí 1	Điểm trung bình môn lớp 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
2	Tiêu chí 2	Điểm trung bình môn lớp 11, 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
3	Tiêu chí 3	Điểm trung bình môn lớp 10, 11, 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
4	Tiêu chí 4	Điểm trung bình môn lớp 10, 11, 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân). Học lực lớp 11, 12 và điểm trung bình các môn học lớp 11, 12
5	Tiêu chí 5	Điểm trung bình môn lớp 10, 11, 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân). Học lực lớp 10, 11, 12 và điểm trung bình các môn học lớp 10, 11, 12

### 6.6.3. Cách đăng ký và xét tuyển theo Kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu

#### a. Đăng ký

- Thí sinh đăng ký thi năng khiếu trước 17h00 ngày 20/6/2025 tại <https://dangky.tnue.edu.vn>
- Thí sinh bổ sung thông tin, đăng ký thi năng khiếu trực tiếp tại Trường (với những thí sinh chưa đăng ký qua website) trước 11h00 ngày 12/7/2025.
- Trường tổ chức thi năng khiếu từ ngày 12/7/2025 đến ngày 14/7/2025.
- Trường sẽ công bố kết quả thi năng khiếu tại địa chỉ <http://tuyensinh.tnue.edu.vn> trước 17h00 ngày 18/7/2025.
- Thí sinh nộp chứng nhận kết quả thi năng khiếu tại các cơ sở đào tạo khác (được chấp nhận trong đề án tuyển sinh) về trường trước 17h00 ngày 30/7/2025 (tính theo dấu bưu điện) tại địa chỉ <http://tuyensinh.tnue.edu.vn> và bản cứng về ban tuyển sinh của Trường.
- Dự kiến từ ngày 18/7/2025 đến 17h00 ngày 30/7/2025 thí sinh đăng ký tuyển sinh trên hệ thống của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn>. Đối với thí sinh tự do (tốt nghiệp từ năm 2023 trở về trước) phải đăng ký cấp tài khoản sử dụng cho việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống của Bộ GD&ĐT tại điểm tiếp nhận

*Đức Văn*

(Sở GD&ĐT hoặc địa điểm do Sở GD&ĐT chỉ định), dự kiến từ ngày 01/7/2025 đến ngày 20/7/2025.

#### **b. Xét tuyển và công bố kết quả**

- Kế hoạch xét tuyển và công bố kết quả trúng tuyển diện xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT dự kiến từ ngày 13/8/2025 đến 17h00 ngày 17/8/2025. Sau khi có kết quả xét tuyển chính thức, Trường sẽ công bố danh sách trúng tuyển trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và website tuyển sinh của Trường tại địa chỉ: <http://tuyensinh.tnue.edu.vn> dự kiến trước 17h00 ngày 19/8/2025.

- Thí sinh trúng tuyển chính thức phải thực hiện xác nhận nhập học trực tuyến (dự kiến) từ ngày 19/8/2025 đến 17h00 ngày 27/8/2025 trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> và hướng dẫn nhập học tại địa chỉ <https://tuyensinh.tnue.edu.vn>.

#### **6.7 Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học**

##### **Mã phương thức xét tuyển: 500**

Với thí sinh đăng ký xét chuyển vào ngành Sư phạm âm nhạc, Huân luyện thể thao và ngành Giáo dục Thể chất thì thí sinh phải thi bài thi năng khiếu tương ứng.

##### **6.7.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng**

Học sinh hoàn thành chương trình dự bị, điểm xét chuyển của ba môn thi cuối khóa hoặc điểm xét chuyển của hai môn thi cuối khóa + điểm thi năng khiếu (với ngành Sư phạm âm nhạc, Huân luyện thể thao và ngành Giáo dục Thể chất) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định sau khi có kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 của các môn thi tương ứng.

##### **6.7.2. Tổ hợp các môn và cách xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học kết hợp thi năng khiếu**

###### **a. Tổ hợp các môn xét chuyển thí sinh đã hoàn thành chương trình dự bị đại học**

*Đức Hải*

STT	Ngành xét tuyển	Mã ngành	Môn thi đánh giá 1	Môn thi đánh giá 2	Môn thi đánh giá 3
1	Giáo dục Mầm non	7140201	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán	Ngữ văn	GDKT&PL (GDCD)
			Ngữ văn	Tiếng Anh	GDKT&PL (GDCD)
			Ngữ văn	Lịch Sử	GDKT&PL (GDCD)
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán	Ngữ văn	Lịch sử
			Toán	Ngữ văn	Vật lí
3	Giáo dục Chính trị	7140205	Toán	Lịch Sử	GDKT&PL (GDCD)
			Toán	Địa lí	GDKT&PL (GDCD)
			Ngữ văn	Lịch Sử	GDKT&PL (GDCD)
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GDCD)
4	Sư phạm Toán học	7140209	Toán (hệ số 2)	Vật lí	Hóa học
			Toán (hệ số 2)	Vật lí	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Hóa học	Sinh học
5	Sư phạm Tin học	7140210	Toán (hệ số 2)	Vật lí	Hóa học
			Toán (hệ số 2)	Vật lí	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán (hệ số 2)	Vật lí	Tin học
6	Sư phạm Vật lí	7140211	Toán	Vật lí	Hóa học
			Toán	Vật lí	Tiếng Anh
			Toán	Vật lí	Ngữ văn
			Toán	Vật lí	Công nghệ Công nghiệp
7	Sư phạm Hoá học	7140212	Toán	Vật lí	Hóa học
			Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Hóa học	Tiếng Anh
8	Sư phạm Sinh học	7140213	Toán	Vật lí	Sinh học
			Toán	Hóa học	Sinh học

			Toán	Sinh học	Tiếng Anh
			Toán	Sinh học	Công nghệ Nông nghiệp
9	Su phạm Ngữ văn	7140217	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PL (GDCD)
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GDCD)
			Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Địa lí	Tiếng Anh
10	Su phạm Lịch sử	7140218	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PI. (GDCD)
11	Su phạm Địa lí	7140219	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Địa lí	Toán
			Ngữ văn	Địa lí	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Địa lí	Vật lí
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GDCD)
12	Su phạm Tiếng Anh	7140231	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh (Hệ số 2)
			Toán	Lịch sử	Tiếng Anh (Hệ số 2)
			Ngữ văn	Địa lí	Tiếng Anh (Hệ số 2)
13	Su phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Toán	Vật lí	Hóa học
			Toán	Vật lí	Sinh học
			Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Sinh học	Tiếng Anh
14	Su phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Toán	Lịch sử	Địa lí
			Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PL (GDCD)
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GDCD)
15	Giáo dục học	7140101	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí

			Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PL (GDCD)
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GDCD)
16	Tâm lí học giáo dục	7310403	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí
			Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PL (GDCD)
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GDCD)
17	Giáo dục Công dân <i>(Nếu được phê duyệt mở ngành)</i>	7140204	Toán	Lịch sử	GDKT&PL( GDCD)
			Toán	Địa lí	GDKT&PL (GDCD)
			Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PL (GDCD)
			Ngữ văn	Địa lí	GDKT&PL (GDCD)
18	Sinh học ứng dụng <i>(Nếu được phê duyệt mở ngành)</i>	7420203	Toán	Vật lí	Sinh học
			Toán	Hóa học	Sinh học
			Toán	Sinh học	Tiếng Anh
			Toán	Sinh học	Công nghệ nông nghiệp

**b. Tổ hợp các môn xét chuyên học sinh hoàn thành chương trình dự bị kết hợp với thi năng khiếu**

STT	Ngành xét tuyển	Mã ngành	Môn thi đánh giá 1	Môn thi đánh giá 2	Môn thi đánh giá 3
1	Giáo dục Thể chất	7140206	Toán	Ngữ văn	Năng khiếu (hệ số 2)
			Toán	Sinh học	Năng khiếu (hệ số 2)
			Ngữ văn	Địa lí	Năng khiếu (hệ số 2)
			Ngữ văn	GDKT&PL (GDCD)	Năng khiếu (hệ số 2)
2	Huấn luyện thể thao (Nếu được phê duyệt mở ngành)	7140207	Toán	Năng khiếu 1	Năng khiếu 2
			Ngữ văn	Năng khiếu 1	Năng khiếu 2
3	Sư phạm Âm nhạc (Nếu được phê duyệt mở ngành)	7140221	Ngữ văn	Năng khiếu âm nhạc 1	Năng khiếu âm nhạc 2

**c. Cách xét chuyên thí sinh đã hoàn thành chương trình dự bị đại học**

- Với các ngành không thi năng khiếu: Xét theo tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Với ngành Sư phạm âm nhạc, Huấn luyện thể thao và ngành Giáo dục Thể chất: xét theo tổng điểm trung bình (ĐTB) của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

*Điểm xét tuyển: Được quy về thang điểm 30 tương ứng với điểm xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi THPT năm 2025 (Phương thức 4)*

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

- Nếu tổng điểm tổng kết của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được nhỏ hơn 22,5 điểm thì Điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 3, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Nếu tổng điểm tổng kết của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được từ 22,5 trở lên thì điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 4, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cụ thể:  $Điểm\ ưu\ tiên = [(30 - Tổng\ điểm\ đạt\ được) / 7,5] \times Mức\ điểm\ ưu\ tiên\ theo\ khu\ vực,\ đối\ tượng\ chính\ sách.$

- Điểm của môn học trong tổ hợp môn xét tuyển là điểm tổng kết của các môn học trong chương trình dự bị đại học.

*Quê*

- Điểm trúng tuyển sẽ lấy từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển.  
Điểm trúng tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

**d. Tiêu chí phụ xét tuyển thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học**

Đối với những thí sinh đồng hạng vượt quá chỉ tiêu, Trường có thể áp dụng các tiêu chí phụ. Các tiêu chí phụ sẽ được Hội đồng tuyển sinh áp dụng lần lượt khi xét tuyển các ngành. Khi áp dụng tiêu chí 1 để loại, nếu tiêu chí 1 vẫn bằng nhau thì xét tiêu chí tiếp theo cho đến hết tiêu chí 5, đến khi xác định được số lượng thí sinh trúng tuyển bằng số chỉ tiêu, cụ thể:

TT	Thứ tự xét	Tiêu chí phụ
1	Tiêu chí 1	Điểm trung bình môn lớp 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
2	Tiêu chí 2	Điểm trung bình môn lớp 11, 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
3	Tiêu chí 3	Điểm trung bình môn lớp 10, 11, 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân)
4	Tiêu chí 4	Điểm trung bình môn lớp 10, 11, 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân). Học lực lớp 11, 12 và điểm trung bình các môn học lớp 11, 12
5	Tiêu chí 5	Điểm trung bình môn lớp 10, 11, 12 của các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (làm tròn đến 1 chữ số thập phân). Học lực lớp 10, 11, 12 và điểm trung bình các môn học lớp 10, 11, 12

**6.7.3. Đăng ký xét chuyên thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học**

**a. Hồ sơ đăng ký xét sơ tuyển gồm:**

- Phiếu đăng ký xét chuyên thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học (Mẫu phụ lục).

- Photo công chứng Giấy chứng nhận Kết quả thi năng khiếu đối với thí sinh xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất (Scan bản gốc/photo công chứng để đăng ký online).

- Photo công chứng Học bạ 3 năm học THPT (Scan bản gốc trang bìa có đầy đủ thông tin thí sinh và tất cả các trang đảm bảo đầy đủ điểm và xếp loại học, lực hạnh kiểm 06 học kỳ để đăng ký online).

- Photo công chứng Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên nếu có (Scan bản gốc/photo công chứng để đăng ký online).

- Photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT, chứng nhận hoàn thành chương trình dự bị đại học.

*One Hand*

- Photo công chứng Giấy khai sinh và chứng minh thư nhân dân/CCCD (Scan bản gốc/photo công chứng để đăng ký online).

**b. Cách nộp hồ sơ đăng ký xét chuyển thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học**

- Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến tại <https://dangky.tnue.edu.vn>. Các hồ sơ theo quy định ở trên phải được scan và đính kèm đầy đủ trong mục các hồ sơ đính kèm.

- Sau khi đăng ký trực tuyến thành công, hồ sơ bản cứng gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ: Ban tuyển sinh Đại học chính quy, Phòng Đào tạo (P.302 – nhà A2), Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, số 20 đường Lương Ngọc Quyến, P. Quang Trung, TP. Thái Nguyên. SĐT: 0913.653.821 (Cô Vũ Thị Hồng Hạnh), trước 17h00 ngày 26/6/2025 (tính theo dấu bưu điện).

**c. Xét sơ tuyển, công bố kết quả và đăng ký xét tuyển chính thức**

**\*) Với các Thí sinh thuộc diện xét chuyển hoàn thành chương trình dự bị đại học.**

- Trường sẽ công bố kết quả xét tuyển sớm diện xét chuyển thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học dự kiến trước 17h00 ngày 10/7/2025 tại địa chỉ <http://tuyensinh.tnue.edu.vn>. Sau khi có kết quả xét tuyển, dự kiến từ ngày 18/7/2025 đến 17h00 ngày 30/7/2025 thí sinh phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> để được xét tuyển chính thức và được công nhận vào danh sách trúng tuyển chính thức.

- Trường công bố kết quả xét tuyển chính thức dự kiến trước 17h00 ngày 19/8/2025. Thí sinh trúng tuyển chính thức phải thực hiện xác nhận nhập học trực tuyến từ ngày 19/8/2025 đến 17h00 ngày 27/8/2025 trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> và hướng dẫn nhập học tại địa chỉ <https://tuyensinh.tnue.edu.vn>.

**\*) Với các Thí sinh thuộc diện xét chuyển hoàn thành chương trình dự bị đại học kết hợp với thi năng khiếu**

Áp dụng với thí sinh thuộc diện xét chuyển hoàn thành chương trình dự bị đại học đăng ký vào ngành Sư phạm Âm nhạc và Giáo dục thể chất.

- Thí sinh đăng ký thi năng khiếu trước 17h00 ngày 26/6/2025 tại <https://dangky.tnue.edu.vn>

- Thí sinh bổ sung thông tin, đăng ký thi năng khiếu trực tiếp tại Trường (với những thí sinh chưa đăng ký qua website) trước 11h00 ngày 12/7/2025.

- Trường tổ chức thi năng khiếu Âm nhạc và năng khiếu TDTT dự kiến từ ngày 12/7/2025 đến ngày 14/7/2025.

- Trường sẽ công bố kết quả thi năng khiếu Âm nhạc và năng khiếu TDTT tại địa chỉ <http://tuyensinh.tnue.edu.vn> dự kiến trước 17h00 ngày 18/7/2025.

- Thí sinh nộp chứng nhận kết quả thi năng khiếu tại các cơ sở đào tạo khác (được chấp nhận trong đề án tuyển sinh) về trường trước 17h00 ngày 30/7/2025 (tính theo dấu

*Que Thanh*

bu điện) tại địa chỉ <http://tuyensinh.tnue.edu.vn> và bản cứng về ban tuyển sinh của Trường.

- Dự kiến từ ngày 18/7/2025 đến 17h00 ngày 30/7/2025 thí sinh đăng ký tuyển sinh trên hệ thống của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn>.

- Kế hoạch xét tuyển và công bố kết quả trúng tuyển diện xét chuyển hoàn thành chương trình dự bị đại học kết hợp thi năng khiếu theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT dự kiến từ ngày 13/8/2025 đến 17h00 ngày 17/8/2025. Sau khi có kết quả xét tuyển chính thức, Trường sẽ công bố danh sách trúng tuyển trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và website tuyển sinh của Trường tại địa chỉ: <http://tuyensinh.tnue.edu.vn> dự kiến trước 17h00 ngày 19/8/2025.

- Thí sinh trúng tuyển chính thức phải thực hiện xác nhận nhập học trực tuyến dự kiến từ ngày 19/8/2025 đến 17h00 ngày 27/8/2025 trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> và hướng dẫn nhập học tại địa chỉ <https://tuyensinh.tnue.edu.vn>.

**Lưu ý:** Thí sinh không đăng ký xét tuyển diện xét chuyển thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học tại Trường mà vẫn đăng ký nguyện vọng trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT sẽ không được công nhận kết quả xét tuyển.

## 7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng những thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể như sau:

a) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non.

c) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Thể chất.

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, được xét tuyển thẳng vào ngành phù hợp với môn thi (Xem phụ lục I).

*Que Garb*

**8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển:** Theo quy định của Bộ GD&ĐT

**9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh** (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

**10. Các nội dung khác** (không trái quy định hiện hành)

- Những ngành có nhiều tổ hợp xét tuyển, điểm trúng tuyển của các tổ hợp được xét bình đẳng như nhau. Điểm xét tuyển được quy về thang điểm 30.

- Các ngành đào tạo giáo viên không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp, khiếm thính, khiếm thị. (Trường sẽ kiểm tra sức khỏe đầu khóa đối với tất cả sinh viên trước khi tham gia đào tạo. Nếu không đủ điều kiện sức khỏe sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển).

Riêng ngành Giáo dục Thể chất yêu cầu thể hình: Nam chiều cao từ 1,62m trở lên, cân nặng từ 45 kg trở lên; Nữ chiều cao từ 1,52m trở lên, cân nặng từ 40 kg trở lên; thể hình cân đối không bị dị tật, dị hình (đo chiều cao, cân nặng khi nhập học). Thí sinh trúng tuyển nhập học, Trường sẽ đo cân nặng và chiều cao, nếu không đủ chiều cao và cân nặng sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

- Ngành Sư phạm Toán có 02 chương trình đào tạo là: Chương trình Sư phạm Toán và Chương trình Sư phạm Toán định hướng chất lượng cao (dạy môn chuyên ngành Toán bằng tiếng Anh).

- Ngành Giáo dục Tiểu học có 02 chương trình đào tạo là: Chương trình Giáo dục Tiểu học và Chương trình Giáo dục Tiểu học định hướng chất lượng cao (dạy các môn ở Tiểu học bằng tiếng Anh).

- Thí sinh trúng tuyển ngành Sư phạm Toán, ngành Giáo dục Tiểu học sau khi nhập học có thể đăng ký xét tuyển tương ứng vào chương trình đào tạo định hướng chất lượng cao. Xét tuyển dựa trên năng lực đầu vào theo yêu cầu của Khoa chuyên môn.

## 11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	<b>Giáo dục Mầm non</b> <b>Năm 2023</b> Ngữ Văn, Toán, GD Công dân (C14) Ngữ Văn, Lịch sử, GD Công dân(C19) Ngữ văn, Địa lý, GD Công dân (C20) Ngữ văn, Tiếng Anh, GDCD (D66) <b>Năm 2024</b> Ngữ Văn, Toán, Năng khiếu Ngữ Văn, Lịch sử, Năng khiếu Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu	Tuyển thẳng; Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPTH	200	167	26,62	230	229	23,95
2	<b>Giáo dục Tiểu học</b> Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN	200	224	24,55	230	226	25,90
3	<b>Giáo dục Chính trị</b> Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Ngữ văn, Địa lý, GD công dân (C20) Ngữ văn, Lịch sử, GD công dân (C19) Ngữ văn, Toán, GD công dân (C14)	Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN	20	22	26,68	20	17	28,31
4	<b>Giáo dục Thể chất</b> <b>Năm 2023</b> Toán, Văn, GD Công dân (C14) Ngữ văn, Lịch sử, GD Công dân (C19) Ngữ văn, Địa lý, GD Công dân (C20) <b>Năm 2024</b> Toán, Sinh học, Năng khiếu Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu Ngữ văn, GD Công dân, Năng khiếu Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	Tuyển thẳng; Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPTH	40	30	25,00	39	39	25,25
5	<b>Sư phạm Toán học</b> Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)	Tuyển thẳng; Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPTH	80	81	25,43	120	119	26,37
6	<b>Sư phạm Tin học</b> Toán, Vật lý, Hóa học(A00) Toán, Vật lý, Tiếng Anh(A01) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)	Tuyển thẳng; Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPTH	70	67	21,70	90	82	24,22
7	<b>Sư phạm Vật lí</b> Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)	Tuyển thẳng; Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPTH	26	31	24,47	20	24	26,02
8	<b>Sư phạm Hoá học</b> Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Hóa học, Sinh học (B00) Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07) Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)	Tuyển thẳng; Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPTH	20	22	24,80	25	27	26,17

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
9	<b>Sư phạm Sinh học</b> Toán, Hóa học, Sinh học (B00) Toán, Sinh học, Tiếng Anh (B08) Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)	Tuyển thẳng; Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPHN	26	28	23,30	20	16	25,51
10	<b>Sư phạm Ngữ văn</b> Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Tuyển thẳng; Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPHN	80	74	26,85	102	98	28,56
11	<b>Sư phạm Lịch sử</b> Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Ngữ văn, Lịch sử, GDCD (C19) Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14)	Tuyển thẳng; Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPHN	21	24	28,00	29	29	28,60
12	<b>Sư phạm Địa lý</b> Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Toán, Địa lý, Tiếng Anh (D10) Ngữ văn, Toán, Địa lý (C04)	Tuyển thẳng; Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPHN	32	28	26,73	29	23	28,43
13	<b>Sư phạm Tiếng Anh</b> Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (hệ số 2) Toán, Sư, Tiếng Anh (Hệ số 2) (D09) Toán, Địa, Tiếng Anh (Hệ số 2) (D10)	Tuyển thẳng; Học bạ; KQ thi TN THPT	80	87	25,88	112	110	26,87
14	<b>Sư phạm Khoa học tự nhiên</b> Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPHN	50	51	22,75	70	69	25,19
15	<b>Sư phạm Lịch sử - Địa lý</b> Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh (D15)	Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPHN	60	62	26,25	50	41	28,27
16	<b>Giáo dục học</b> Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Ngữ văn, Toán, GDCD (C14) Ngữ văn, Địa lý, GDCD (C20) Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPHN	30	18	23,00	50	32	26,62
17	<b>Tâm lý học giáo dục</b> Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Ngữ văn, Toán, GDCD (C14) Ngữ văn, Địa lý, GDCD (C20) Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Học bạ; KQ thi TN THPT; ĐGNL của ĐHQGHN, ĐHSPHN	30	29	24,00	50	31	27,08

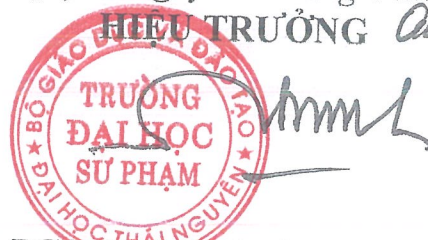
**Cán bộ tuyển sinh:**

**Vũ Thị Hồng Hạnh**

Điện thoại: 0989920618

Email: hanhvth@tinue.edu.vn

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 4 năm 2025



**PGS.TS. Mai Xuân Trường**

*Handwritten signature*

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH SÁCH CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN THẲNG**

TT	Ngành xét tuyển thẳng	Đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế	Lĩnh vực thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế
1	Sư phạm Toán học	Toán	Toán học; Vật lý&thiên văn; Năng lượng vật lý; Phần mềm hệ thống.
2	Sư phạm Tin học	Tin học	Hệ thống nhúng; Robot và máy thông minh; Phần mềm hệ thống; Toán học;.
3	Sư phạm Vật lý	Vật lý	Vật lý&thiên văn; Năng lượng vật lý
4	Sư phạm Hóa học	Hóa học	Hóa học; Hóa sinh
5	Sư phạm Sinh học	Sinh học	Khoa học động vật; Khoa học thực vật; Y Sinh và Khoa học sức khỏe; Kỹ thuật Y sinh; Sinh học tế bào &phân tử; Vi sinh.
6	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Sinh học; Vật lý; Hóa học	Khoa học động vật; Khoa học thực vật; Y Sinh và Khoa học sức khỏe; Kỹ thuật Y sinh; Sinh học tế bào &phân tử; Vi sinh. Vật lý&thiên văn; Năng lượng vật lý; Hóa học; Hóa sinh
7	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn	
8	Sư phạm Lịch Sử	Lịch sử	
9	Sư phạm Địa lý	Địa lý	Khoa học trái đất và môi trường
10	Sư phạm Lịch Sử - Địa lý	Lịch sử; Địa lý	Khoa học trái đất và môi trường
11	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh	
12	Giáo dục Thể chất	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch	

*Quang Văn*

		xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.
13	Giáo dục Mầm non	Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ văn hóa, Thể thao và DU lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng

*Handwritten signature/initials*